

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT

Khóa học: 2015 - 2018

Ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Chuyên ngành: Truyền thông và Marketing du lịch dịch vụ

Khóa 48

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	1		2			3				4				5				6				Tổng kết															
				Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin I	Tin học đại cương	Toán cao cấp 1	Toán cao cấp 2	Khoa học môi trường	Kinh tế vi mô 1	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Pháp luật đại cương	Tâm lý đại cương	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	Kinh tế vi mô 1	Marketing căn bản	Nguyên lý kế toán	Kinh tế lượng	Marketing dịch vụ	Nhập môn quan hệ công chúng	Ngoại ngữ chuyên ngành	Quản trị học	Tổng quan du lịch		Văn hóa học	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Nguyên lý thống kê kinh tế	Nhập môn thương mại điện tử	Quản trị chiến lược	Quản trị nhân lực	Quản trị tài chính	Kỹ năng giao tiếp	Nhập môn marketing điện tử	Marketing quốc tế	Quản trị thương hiệu	Truyền thông đại chúng	Văn hóa và du lịch	Thực tập nghiệp vụ	Thực tập quản lý
1	14D4021011	Trần Thị Cẩm Anh	21/11/1996	4.3	5.1	6.5	4.5	6.8	4.7	8.1	6.1	5.1	7.9	7.0	7.2	6.6	6.1	6.0	7.7	8.9	6.3	7.2	9.1	7.9	8.0	9.3	6.2	8.2	8.6	9.9	8.1	9.2	7.6	9.5	8.7	9.0	8.9	9.4	9.0	7.5
2	14D4021019	Nguyễn Thị Bông	10/06/1995	5.3	8.0	4.1	5.4	7.4	5.3	5.2	7.6	4.4	7.5	6.6	6.6	6.6	6.2	6.6	6.4	9.4	6.3	7.4	9.0	8.2	8.3	8.9	6.3	7.6	8.6	8.6	6.7	9.5	7.6	9.0	8.8	9.0	8.9	9.3	9.2	7.4
3	14D4021021	Hoàng Thị Bảo Châu	01/06/1996	5.8	4.6	7.0	7.4	6.6	3.1	4.0	4.1	7.0	8.0	6.0	7.1	2.3	7.1	5.4	7.5	8.4	5.2	5.9	6.2	7.0	7.9	5.5	5.5	6.7	8.6	4.8	3.6	8.7	7.0	6.4	6.9	9.2	8.5	9.5	9.0	6.3
4	14D4021049	Võ Như Điệp	05/06/1996	4.6	5.0	5.3	5.2	4.0	7.5	5.1	7.1	8.6	5.2	5.5	5.8	4.2	7.1	6.5	6.4	9.3	7.4	5.2	6.6	7.7	8.3	7.5	9.0	8.5	8.6	5.5	8.2	9.5	7.6	9.2	8.3	8.3	7.7	9.5	8.5	7.0
5	14D4021037	Hoàng Thị Thùy Dung	05/01/1996	4.6	5.4	6.0	6.3	6.7	4.4	5.0	5.6	4.0	8.2	5.2	6.3	6.0	6.6	5.8	6.5	9.2	8.6	5.4	7.1	7.0	8.0	4.7	6.8	7.3	8.6	4.6	4.9	8.5	6.4	7.1	6.0	9.2	8.5	0.0	0.0	6.1
6	14D4021043	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	02/12/1996	7.9	5.0	6.3	6.5	8.0	5.0	4.0	7.7	6.1	7.5	8.5	8.7	6.6	6.3	7.3	7.4	8.9	8.7	6.8	9.0	8.0	8.4	9.1	7.5	8.5	8.6	9.6	7.5	9.2	8.5	8.2	7.0	8.0	8.7	9.0	8.7	7.6
7	14D4021051	Nguyễn Thị Gấm	06/10/1996	6.4	5.4	7.5	6.5	7.1	4.6	5.9	4.9	6.1	6.6	8.7	6.7	5.8	6.3	6.3	6.8	8.1	5.2	5.8	7.0	7.3	8.4	8.2	5.5	7.2	8.6	5.4	6.5	8.0	8.1	8.4	7.5	8.5	8.2	9.4	8.6	6.9
8	14D4021057	Trần Thị Thu Hà	10/01/1996	6.6	5.7	6.1	6.5	5.9	5.2	8.0	6.6	5.9	5.5	8.0	8.8	6.9	7.0	6.7	6.7	8.9	7.7	8.0	8.0	7.7	8.3	9.4	7.5	7.6	8.6	9.7	6.5	8.5	7.0	9.1	7.2	8.5	8.4	9.0	9.0	7.5
9	14D4021061	Nguyễn Thị Nhật Hạ	02/06/1996	5.2	4.9	4.6	4.9	6.0	4.3	4.7	4.1	7.3	5.8	4.3	5.9	4.0	6.5	6.4	4.4	9.0	3.9	6.5	5.4	4.9	5.2	5.4	6.2	6.3	8.6	4.0	6.2	8.5	7.0	5.9	4.8	9.0	7.6	9.4	9.7	5.9
10	14D4021068	Nguyễn Đức Hậu	20/03/1996	4.3	5.2	5.3	6.0	5.0	5.3	5.4	4.2	5.4	7.4	5.7	6.9	6.0	6.8	6.0	5.8	8.1	6.0	6.2	7.0	5.2	6.6	6.8	6.6	5.7	8.6	6.2	5.7	9.5	8.5	7.6	6.9	8.9	7.8	8.9	8.5	6.5
11	14D4021106	Nguyễn Văn Huy	10/02/1996	7.0	7.2	7.2	6.1	5.4	5.8	4.3	5.7	8.4	4.1	6.1	5.5	5.8	6.5	6.1	5.8	8.7	6.5	4.5	8.4	7.5	8.4	8.7	6.0	7.6	8.6	6.9	5.5	8.0	7.9	9.1	8.5	9.0	8.2	9.9	8.7	7.0
12	14D4021117	Nguyễn Thị Thanh Huyền	10/01/1996	5.4	4.4	7.2	6.5	6.3	6.4	4.6	4.6	4.0	8.9	8.5	5.9	6.8	6.3	5.5	5.0	9.3	7.3	5.5	8.9	7.7	5.2	7.9	5.2	8.2	8.6	8.5	6.3	9.2	8.5	8.7	7.9	8.6	8.2	8.8	8.5	6.9
13	14D4021115	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	03/04/1996	6.6	6.0	5.8	5.8	6.4	5.9	7.3	4.9	4.6	7.3	7.1	5.2	6.0	6.9	5.5	6.5	8.6	8.2	6.0	7.3	7.7	8.0	9.0	5.5	7.3	8.6	6.4	7.9	8.5	7.9	7.9	7.3	8.6	8.7	9.5	8.5	7.0
14	14D4021112	Lê Thị Huyền	25/02/1996	5.3	4.6	3.6	4.2	6.6	5.4	4.0	6.4	7.5	4.1	6.1	6.6	6.6	6.1	7.1	4.9	8.3	6.2	6.4	7.0	7.0	8.3	8.9	7.2	7.9	8.6	4.4	7.4	8.6	6.7	9.0	7.5	9.0	8.5	9.3	8.5	6.7
15	14D4025001	Sabaithong Kittilat	01/07/1992	6.1	5.8	6.1	6.3	5.3	6.0	5.2	4.2	4.7	8.9	4.3	5.4	5.8	6.9	8.0	6.0	8.6	4.3	4.8	5.6	5.6	6.6	5.4	7.3	5.8	8.2	4.4	5.6	8.5	5.5	6.2	4.3	8.9	8.5	9.4	8.1	6.2
16	14D4021149	Trần Thị Diệu Linh	23/05/1996	7.8	5.5	6.7	6.3	5.5	6.4	5.7	5.3	8.2	7.3	5.2	5.1	5.3	6.8	6.8	8.7	8.6	7.0	7.5	8.4	8.1	7.7	8.7	6.8	6.7	8.6	5.4	7.7	8.7	7.3	7.7	6.9	9.3	8.5	9.0	8.8	7.2
17	14D4021147	Nguyễn Thị Nhật Linh	19/08/1996	6.6	5.8	7.2	7.5	7.0	5.6	7.2	5.2	5.3	4.5	7.2	5.2	5.3	6.1	5.3	7.6	8.6	6.9	5.8	7.7	5.3	7.5	7.3	6.4	6.1	8.6	3.8	6.3	9.2	7.0	6.8	6.1	8.6	8.5	9.0	9.0	6.7
18	14D4021152	Vân Khánh Linh	01/09/1995	6.4	5.1	4.1	4.6	5.8	5.1	4.7	8.8	5.7	7.7	8.0	7.6	4.4	6.3	5.7	5.7	9.3	7.7	5.9	8.7	7.7	7.2	8.1	5.8	7.6	8.6	7.6	6.2	8.5	6.9	9.5	3.4	8.3	8.5	9.4	8.7	6.9
19	14D4021164	Nguyễn Thị Thảo Ly	23/09/1996	4.3	6.1	7.2	6.5	6.3	3.1	4.3	5.7	6.3	6.8	6.1	8.8	6.2	6.6	7.2	8.3	8.8	6.1	6.8	7.3	7.3	6.9	8.4	6.6	8.2	8.2	9.6	7.4	8.5	6.2	9.3	6.5	8.5	8.2	8.8	8.7	7.1
20	14D4021190	Châu Hồ Bích Ngân	21/02/1996	4.0	5.2	5.3	4.5	7.5	4.9	6.1	8.2	5.1	6.1	6.4	7.3	6.4	6.7	8.6	9.0	8.8	8.0	6.8	8.4	8.0	7.7	7.9	7.2	7.8	8.6	7.9	5.1	8.8	7.6	9.5	6.6	9.0	8.9	9.2	8.7	7.3
21	14D4021193	Trần Thị Tuyết Ngân	03/04/1996	4.1	5.6	6.7	6.3	6.8	5.6	4.8	4.4	4.0	8.2	5.8	6.9	5.8	6.6	5.9	7.7	9.1	6.3	6.8	7.3	6.8	7.7	7.0	7.7	7.9	8.6	6.9	7.2	8.7	7.8	7.9	7.6	8.5	8.2	9.5	9.5	7.0
22	14D4021217	Lê Đức Nhật	07/06/1995	4.9	5.9	6.7	6.5	6.5	7.5	5.4	4.8	4.7	7.7	5.4	5.2	5.7	7.5	5.6	4.8	9.2	7.3	7.8	6.8	4.5	6.6	5.9	5.4	6.6	8.2	6.4	7.0	9.0	7.3	7.3	6.9	9.0	8.2	9.5	9.5	6.7
23	14D4021233	Nguyễn Thị Kiều Nhi	20/01/1995	7.8	5.6	5.3	7.0	5.7	5.0	4.2	5.7	5.9	4.6	5.4	5.1	5.0	6.8	4.5	7.8	8.6	7.4	7.6	2.8	5.9	5.6	7.6	5.9	7.6	8.2	6.1	7.7	9.5	7.6	8.4	7.4	9.0	7.6	8.8	9.5	6.6
24	14D4021260	Nguyễn Thị Quỳnh Như	25/12/1996	4.5	4.5	6.1	6.1	7.5	5.7	4.9	7.4	5.4	9.1	7.3	8.2	4.9	7.3	6.6	6.8	8.8	7.9	7.6	8.4	7.7	8.0	8.4	6.6	8.0	8.6	2.7	7.0	8.0	7.8	8.0	7.8	8.6	8.5	9.2	9.5	7.1
25	14D4021263	Phan Thị Quỳnh Như	02/12/1996	8.2	4.6	7.0	6.3	4.2	5.6	3.5	4.5	4.1	4.2	4.5	5.6	7.0	6.0	5.6	6.0	7.9	6.3	7.2	8.3	5.2	6.3	7.0	6.8	7.6	8.6	7.1	6.6	8.0	5.9	8.3	6.5	8.1	8.5	9.1	9.3	6.5
26	14D4021253	Nguyễn Thị Phương Nhung	29/07/1996	7.9	6.3	6.1	6.5	5.7	5.0	7.1	5.9	4.7	5.1	6.1	7.0	4.0	6.8	7.2	6.1	8.3	5.7	7.7	7.6	6.3	8.0	7.2	6.2	7.0	8.6	6.4	6.7	9.5	7.3	8.2	8.9	8.5	8.4	9.5	9.5	7.0
27	14D4021271	Phan Thị Trà Ny	21/04/1996	4.3	4.7	5.1	6.3	5.9	6.2	6.7	4.6	4.7	8.0	7.2	5.2	5.5	7.0	6.2	5.6	8.8	5.8	4.7	7.3	7.5	8.0	6.7	7.1	5.7	8.6	6.9	6.2	8.7	6.1	7.2	7.6	8.9	8.5	9.5	9.3	6.7
28	14D4021274	Võ Thị Tiểu Oanh	24/03/1995	5.2	4.7	4.0	6.3	6.2	4.4	6.8	4.9	4.2	4.7	7.3	7.7	5.2	6.5	7.1	8.4	8.1	5.6	5.3	8.0	7.0	7.9	8.0	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	4.1
29	14D4021280	Lê Thị Lam Phương	28/03/1995	8.2	5.4	6.3	5.6	4.3	6.0	5.1	6.3	5.9	4.3	6.4	8.2	5.9	7.6	5.3	6.3	8.9	8.9	7.9	8.5	7.7	8.0	7.9	7.8	7.7	8.6	8.0	6.8	9.0	7.3	9.5	7.9	9.0	8.9	9.6	9.2	7.3
30	14D4021276	Nguyễn Đức Phúc	21/07/1996	7.6	6.7	6.0	6.3	6.6	5.5	4.2	7.0	8.4	4.8	7.8	7.9	5.4	7.0	5.6	7																					

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1																											Tổng kết											
				Tin học đại cương	Toán cao cấp 1	Toán cao cấp 2	Khoa học môi trường	Kinh tế vi mô 1	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Pháp luật đại cương	Tâm lý đại cương	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	Kinh tế vi mô 1	Marketing căn bản	Nguyên lý kế toán	Kinh tế lượng	Marketing dịch vụ	Nhập môn quan hệ công chúng	Ngoại ngữ chuyên ngành	Quản trị học	Tổng quan du lịch	Văn hóa học	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Nguyên lý thông kê kinh tế	Nhập môn thương mại điện tử	Quản trị chiến lược	Quản trị nhân lực	Quản trị tài chính		Kỹ năng giao tiếp	Nhập môn marketing điện tử	Marketing quốc tế	Quản trị thương hiệu	Truyền thông đại chúng	Văn hóa và du lịch	Thực tập nghiệp vụ	Thực tập quản lý			
35	14D4021299	Phan Như Quỳnh	27/04/1995	8.4	5.5	5.9	5.6	8.2	5.7	6.0	7.0	7.0	7.3	8.1	9.1	4.3	6.9	7.0	7.6	9.3	6.9	8.0	8.0	8.4	8.3	9.7	8.1	8.8	8.6	9.7	3.9	10.0	9.4	9.5	8.8	9.3	9.2	9.4	9.5	7.8		
36	14D4021307	Nguyễn Thị Hoa Sen	15/02/1996	5.1	5.5	4.3	4.5	7.8	5.0	4.0	5.8	7.0	4.2	4.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.6
37	14D4021310	Nguyễn Sỹ Tài	05/06/1996	7.2	5.7	5.9	8.4	5.0	4.8	5.9	5.4	5.5	4.9	4.7	7.0	5.4	7.3	5.6	6.2	9.0	6.3	6.4	6.6	4.5	8.3	5.4	5.6	5.8	8.2	8.3	3.9	8.7	7.6	6.0	6.6	8.4	8.5	9.0	8.5	6.5		
38	14D4021325	Trương Thị Yến Thanh	24/09/1996	4.2	4.5	4.0	4.9	6.4	5.6	2.6	3.3	3.3	4.1	4.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.3	
39	14D4021342	Nguyễn Thị Phương Thảo	24/02/1996	7.6	5.0	6.8	6.5	8.0	6.7	5.3	7.3	6.6	5.8	7.8	8.2	6.6	7.0	6.7	8.5	9.3	7.1	7.7	9.1	7.7	8.0	9.4	8.7	8.5	8.6	10.0	5.3	9.5	8.8	8.8	8.2	9.2	8.9	9.4	9.5	7.8		
40	14D4021336	Lê Thị Thảo	16/04/1996	5.5	5.0	5.8	4.1	6.1	6.3	7.0	5.5	6.6	4.9	5.0	7.6	6.6	7.1	7.2	4.1	8.8	6.7	5.9	6.3	6.3	8.0	8.1	7.7	7.3	8.6	6.1	5.2	8.5	7.4	8.1	7.0	8.5	8.4	8.8	9.0	6.8		
41	14D4021366	Nguyễn Thị Phương Thủy	12/11/1996	5.1	4.4	6.5	6.8	5.0	5.4	5.6	5.4	6.3	8.2	6.7	8.1	4.4	7.7	7.5	6.3	8.8	5.9	7.2	8.4	8.7	8.0	8.0	8.3	8.3	8.6	7.8	7.0	8.6	7.6	9.0	7.5	9.3	8.5	9.8	8.7	7.3		
42	14D4021373	Đoàn Thị Thanh Thủy	05/01/1996	4.0	7.2	5.0	4.2	4.7	6.4	5.8	6.9	6.3	6.1	6.1	8.6	5.0	7.5	5.9	7.0	8.6	6.5	8.4	8.7	7.9	7.9	4.7	7.2	6.1	8.6	5.9	5.3	9.2	8.4	9.0	6.5	8.6	8.4	9.0	6.5	7.0		
43	14D4021364	Tống Thị Thuyền	19/03/1995	7.9	8.3	8.6	7.5	8.3	9.7	7.9	8.7	7.3	8.2	8.5	7.8	9.1	9.2	8.7	10.0	9.7	9.7	9.2	9.4	8.4	9.3	9.8	9.4	10.0	8.9	8.5	6.8	10.0	9.1	10.0	9.2	9.0	9.2	9.4	8.8	8.9		
44	14D4021393	Trần Hồ Thủy Tiên	26/09/1996	7.3	5.8	6.0	4.2	7.4	6.3	5.1	6.4	6.6	6.4	7.6	4.5	6.4	7.6	6.7	6.5	8.6	8.2	7.1	8.4	8.0	7.9	7.2	6.2	7.6	8.6	8.5	5.1	8.7	6.9	6.2	7.6	8.3	8.7	9.2	8.7	7.1		
45	14D4021387	Hoàng Thị Nhật Tiên	11/09/1996	4.0	7.5	4.9	5.6	5.8	3.0	3.9	4.0	4.3	8.0	3.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.5	
46	14D4021405	Phạm Thị Trang	16/04/1996	7.9	5.7	8.3	4.8	7.4	8.3	6.6	9.1	6.3	7.6	7.9	7.9	8.2	7.9	8.6	9.6	9.4	8.7	8.2	8.9	7.3	8.4	9.0	10.0	9.7	8.6	9.0	6.1	9.5	7.6	9.7	8.5	9.0	8.9	9.8	8.7	8.3		
47	14D4021406	Trần Thị Trang	12/10/1996	7.9	5.4	8.6	5.4	7.4	7.6	4.7	8.9	9.1	5.1	7.6	7.3	4.9	8.0	6.0	8.3	8.8	8.6	7.4	8.7	8.4	8.4	5.8	8.6	7.8	8.6	8.9	4.9	8.0	7.7	8.6	6.8	8.6	8.7	9.4	8.7	7.5		
48	14D4021398	Đoàn Thị Thanh Trang	01/12/1996	4.6	5.8	5.8	6.3	6.1	5.8	4.3	5.4	7.5	8.7	6.2	8.8	4.7	6.9	5.0	5.9	8.9	6.4	6.6	8.4	8.4	7.7	8.0	8.5	6.4	8.6	6.0	7.6	9.2	7.0	7.1	7.0	8.9	8.5	9.2	8.5	7.0		
49	14D4021396	Bùi Thị Nha Trang	14/06/1996	4.8	7.2	6.0	6.0	5.9	4.8	3.9	6.1	7.0	4.4	4.2	7.2	6.1	6.7	6.2	4.9	9.0	6.6	5.5	6.2	5.2	8.0	5.1	8.5	6.4	8.6	6.8	4.9	9.0	8.2	7.5	7.2	9.0	8.2	9.0	9.0	6.6		
50	14D4021435	Trình Thị Uyên	25/06/1995	6.1	4.5	6.4	4.3	7.4	7.4	5.4	5.3	4.7	5.1	7.6	7.2	6.2	7.5	7.2	8.2	8.7	7.9	7.4	8.7	7.5	8.0	7.2	8.1	7.5	8.6	7.5	4.6	9.0	7.9	7.8	8.5	8.6	8.7	9.0	8.8	7.2		
51	14D4021431	Lê Song Cẩm Uyên	14/03/1996	6.4	5.5	7.2	6.5	7.1	6.1	4.3	6.6	5.2	6.0	6.9	8.5	6.2	7.3	7.2	7.6	9.0	8.0	8.0	8.7	7.4	8.4	7.2	8.0	6.4	8.6	8.0	6.7	9.5	9.1	7.4	7.8	9.0	8.5	9.5	9.0	7.4		
52	14D4021436	Nguyễn Thị Tường Vân	28/07/1995	5.8	5.5	7.5	8.0	7.6	4.8	7.7	6.6	6.1	8.7	7.5	5.2	3.7	7.5	6.7	8.7	9.1	8.4	7.6	8.5	5.3	7.2	8.7	8.2	7.0	8.6	7.6	5.8	8.8	8.2	6.5	7.5	9.3	8.9	9.7	9.0	7.3		
53	14D4021447	Lê Thị Như Ý	11/02/1994	8.6	6.9	6.1	8.9	5.3	5.4	6.2	5.9	4.1	7.4	7.3	5.7	5.2	7.6	8.7	8.4	2.1	0.0	2.7	0.0	1.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	3.3	
54	14D4021446	Đặng Thị Như Ý	20/08/1994	7.0	4.7	6.8	6.7	5.7	4.4	4.2	5.7	4.8	7.0	7.6	3.9	4.5	6.8	8.1	6.9	9.1	7.5	6.6	7.3	4.6	7.5	5.6	7.8	6.1	8.6	7.6	6.7	9.0	7.4	7.5	7.5	8.6	9.1	9.2	8.5	6.7		
55	13D4021331	Hồ Thị Thương	13/02/95	6.6	5.3	8.0	6.5	7.1	4.0	7.0	6.6	7.8	8.1	7.0	7.7	6.1	7.4	7.4	4.7	8.2	6.1	6.9	7.0	7.7	7.7	6.6	5.9	8.8	7.7	8.4	6.6	8.8	8.8	8.8	8.1	9.0	8.2	8.5	7.0			

(Có 53 sinh viên trong danh sách này với 0 con điểm bị sửa chữa)